

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 25/4/2022
“Về ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Phú, bà Lê Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Dũng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 117/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/4/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mai P, sinh năm 1992.

ĐKHKT: Số 7 T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Số 37 T, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Phạm Gia L, sinh năm 1988.

ĐKHKT và nơi cư trú: Số 7 T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng:

+ Bà Vũ Thị N, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 7 T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

+ Bà Bùi Thị B, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 37 T, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Những người tham gia tố tụng đều vắng mặt tại phiên tòa. Chị P, anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị Mai P trình bày: Chị với anh Phạm Gia L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 18/02/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh L tại số 7 T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Cuộc sống chung hạnh phúc được mấy năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế và nuôi dưỡng con cái. Anh L thường tự quyết định mọi việc theo ý mình mà không trao đổi với chị. Chị nhiều lần góp ý nhưng anh L không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xảy ra to tiếng làm tình cảm rạn nứt. Hai năm trở lại đây, vợ chồng tuy sống cùng nhà nhưng mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai cả về vật chất và tình cảm. Hai bên gia đình hòa giải, động viên nhưng vợ chồng vẫn không thể chung sống hòa hợp được. Hiện chị không còn tình cảm với anh L nên chị khởi kiện xin ly hôn anh L.

Chị và anh L có một con chung là Phạm Gia K- sinh ngày 08/11/2019. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi con cho tới khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Tại văn bản gửi cho Tòa án, bị đơn là anh Phạm Gia L trình bày thống nhất với chị Lê Thị Mai P về thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về làm ăn kinh tế và nuôi dưỡng con cái. Ai cũng tự cho mình là đúng nên thường xảy ra to tiếng, va chạm. Tình trạng này kéo dài nhưng không có biện pháp khắc phục làm cả hai đều thấy mệt mỏi, căng thẳng. Xác định cuộc sống không hạnh phúc nên vợ chồng đã tự thỏa thuận thống nhất ly hôn và thống nhất giao con chung cho chị P nuôi dưỡng. Anh đã tự viết và ký đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn để chị P nộp cho Tòa án làm căn cứ giải quyết. Vì vậy anh nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Anh và chị P có một con chung là Phạm Gia K- sinh ngày 08/11/2019. Anh nhất trí để chị P được trực tiếp nuôi con cho tới khi thành niên và nhất trí việc chị P không yêu cầu anh phải đóng góp tiền nuôi con chung.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung vợ chồng và đề nghị Tòa án tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Tại các văn bản gửi cho Tòa án, bà Vũ Thị N (mẹ đẻ của anh L) và bà Bùi Thị B (mẹ đẻ của chị P) đều trình bày: Chị P và anh L chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, nuôi dưỡng con cái và xử lý các vấn đề của cuộc sống. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên bảo, động viên nhưng số lần vợ chồng mâu thuẫn ngày càng nhiều và ngày

càng trầm trọng. Vì vậy các bà đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn để mỗi bên sớm ổn định cuộc sống.

Tại các đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; anh L nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của chị P.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2013 của UBTV Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị P được ly hôn anh L. Giao con chung Phạm Gia K- sinh ngày 08/11/2019 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Buộc chị P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng:* Các đương sự được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị Mai P và anh Phạm Gia L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 18/02/2016. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Các bên đương sự đều xác định cuộc sống chung không hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, nuôi dưỡng con cái và xử lý các vấn đề của cuộc sống. Gia đình hai bên nhiều lần hòa giải, động viên nhưng vợ chồng vẫn không chung sống hòa hợp được. Số lần mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng nhiều, ngày càng trầm trọng nhưng không có biện pháp khắc phục. Vì vậy xác định hôn nhân giữa chị P với anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh L nhất trí ly hôn chị P nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa nên cần xử cho chị P được ly hôn anh L theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị P và anh L có một con chung là Phạm Gia K- sinh ngày 08/11/2019. Chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; anh L nhất trí để chị P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử cần giao cháu K cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi thành niên. Chị P không

yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là tự nguyện nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị Mai P và anh Phạm Gia L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Gia K- sinh ngày 08/11/2019 cho chị Lê Thị Mai P trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh Phạm Gia L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Mai P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2020/0001870 ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị P đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- UBND phường T, TP. H, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thị Phương Thúy